

DI CƯ TỪ TÂY NAM BỘ ĐẾN NÔNG THÔN ĐÔNG NAM BỘ VÀ CÁC TRIỂN VỌNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN HIỆN NAY

LÊ THANH SANG*
NGUYỄN NGỌC TOẠI**

Sử dụng số liệu các cuộc Tổng điều tra dân số 1989, 1999, 2009, 2019 và dữ liệu từ cuộc khảo sát năm 2022 đối với 500 hộ gia đình di cư từ Tây Nam Bộ đến khu vực nông thôn 5 tỉnh Đông Nam Bộ, bài viết phân tích đặc điểm và dự báo xu hướng của các dòng di cư từ Tây Nam Bộ đến khu vực nông thôn Đông Nam Bộ. Kết quả phân tích cho thấy, khu vực thành thị Đông Nam Bộ vẫn là nơi đến chủ yếu của người di cư từ Tây Nam Bộ. Trong khi đó, nông thôn Đông Nam Bộ lại là nơi đến chủ yếu của các hộ gia đình với sự xuất hiện đông đảo các cộng đồng di cư từ tất cả các tỉnh Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, những lợi thế về đất nông nghiệp tại nông thôn Đông Nam Bộ đang ngày càng giảm. Trong dài hạn, Tây Nguyên có thể là một điểm đến tiềm năng do vẫn còn nhiều lợi thế về đất sản xuất nông nghiệp, mật độ dân số thấp và khoảng cách địa lý cũng không quá xa Tây Nam Bộ.

Từ khóa: di cư, hộ gia đình, nông thôn, Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ

Nhận bài ngày: 10/10/2022; *đưa vào biên tập:* 10/10/2022; *phản biện:* 11/10/2022; *duyet đăng:* 12/10/2022

1. MỞ ĐẦU

Các khuôn mẫu vĩ mô về di cư giữa các vùng trên cả nước kể từ sau Đổi mới đến nay đã được đề cập trong một số nghiên cứu trước đây (Lê Thanh Sang, 2007; Đặng Nguyên Anh và cộng sự, 2016). Tuy nhiên, các nghiên cứu cho đến nay thường tập trung vào dòng di cư nông thôn - thành thị. Tại Nam Bộ,

tuyệt đại đa số các nghiên cứu về xuất cư từ Tây Nam Bộ (TNB) tập trung chủ yếu vào Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) và các khu công nghiệp, đô thị khác của các tỉnh Đông Nam Bộ (ĐNB). Trong vài thập niên vừa qua, hầu như chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu xu hướng di cư ở cấp độ hộ gia đình TNB đến khu vực nông thôn ĐNB.

Ngày càng nhiều nghiên cứu trên phạm vi toàn cầu cũng như trong nước chỉ ra

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

rằng, các biểu hiện thời tiết cực đoan như thay đổi lượng mưa, ngập lụt, sạt lở đất, xâm nhập mặn,... đang gây ra tình trạng mất chỗ ở và ảnh hưởng tới sinh kế của người dân. Di cư, được xem là một cách thay đổi sinh kế và ứng phó với biến đổi khí hậu (Black và cộng sự, 2011; Warner và cộng sự, 2012; Đặng Nguyên Anh và cộng sự, 2016; The World Bank, 2018; Berlemann & Thi Xuyen, 2020). Trong đó, điểm đến mới của người di cư trên phạm vi quốc tế và trong nước được dự đoán là các khu vực nông thôn và vùng ngoại vi (McAreevey, 2017).

Các khó khăn kinh tế - xã hội dai dẳng và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH) đang ngày càng rõ rệt trong những năm gần đây ở TNB cùng với các cơ hội việc làm và định cư lâu dài ở khu vực nông thôn ĐNB có thể là các lực “đẩy” và “hút” chính định hình các dòng di dân này trong những năm tới.

Bài viết này nhằm cung cấp một số nét khái quát về đặc điểm các dòng di cư từ TNB đến khu vực nông thôn ĐNB cũng như dự báo xu hướng và nơi đến tiềm năng của các hộ di cư TNB trong bối cảnh hiện nay.

2. NGUỒN SỐ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

Các phân tích trong bài viết này bao gồm các biến số liên quan tới địa giới hành chính và di cư cấp độ cá nhân từ nguồn số liệu điều tra mẫu của các cuộc Tổng điều tra dân số (TĐTDS) 1989, 1999, 2009 và 2019. Trong các cuộc điều tra này, thông tin về di cư được hỏi cho những người từ 5 tuổi trở lên dựa trên nơi thực tế thường trú 5 năm trước thời điểm mỗi cuộc điều tra (thường là

ngày 1 tháng 4). Loại hình di cư được chia ra: không di cư, di cư trong huyện, di cư giữa các huyện và di cư giữa các tỉnh (Tổng cục Thống kê, 2020: 19). Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích loại hình di cư liên tỉnh.

Đồng thời, để cung cấp thêm một số thông tin liên quan tới di cư ở cấp độ hộ gia đình, chúng tôi còn sử dụng dữ liệu từ cuộc khảo sát 500 hộ gia đình di cư từ TNB đến khu vực nông thôn 5 tỉnh ĐNB (mẫu khảo sát được chọn bằng phương pháp ngẫu nhiên hệ thống tại 10 xã thuộc 5 tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước và Bà Rịa - Vũng Tàu, không bao gồm TPHCM) thuộc đề tài ‘Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay’⁽¹⁾.

Phương pháp phân tích chính trong bài viết này là thống kê mô tả và trực quan hóa dữ liệu bằng bản đồ luồng di cư dựa trên khung thiết kế của Kylu và cộng sự (2021), cụ thể như sau: bản đồ nền địa giới hành chính cấp tỉnh và cấp vùng được xây dựng dựa trên các thông số về mật độ dân số (người/km²) và tỷ suất di cư thuần⁽²⁾ của từng địa bàn. Dựa trên cơ sở đó, quy mô (số người) nhập cư và cả xuất cư sẽ được tính toán tương ứng ở cả nơi đi và nơi đến để thấy được xu hướng di chuyển của toàn bộ các luồng di cư cũng như xu hướng di cư chính (thường dựa vào các luồng di cư có số lượng lớn nhất - không phân biệt xuất cư hay nhập cư).

3. MỐI QUAN HỆ DI CƯ GIỮA TNB VÀ ĐNB

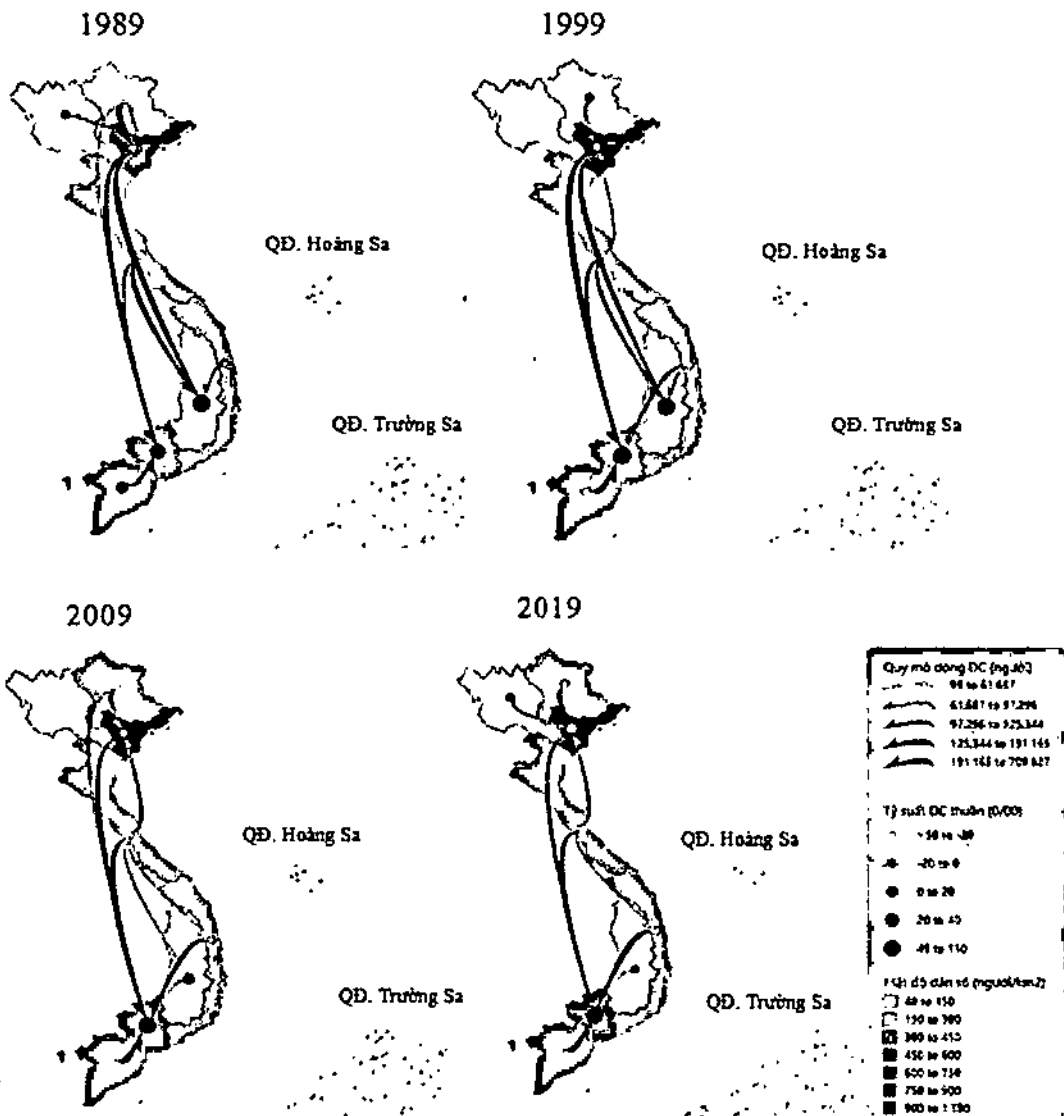
Tương tự kết quả một số nghiên cứu của Lê Thanh Sang (2007), Lê Thanh

Sang - Nguyễn Ngọc Toại (2017), kết quả phân tích số liệu các dòng di cư lớn nhất giữa 8 vùng trên cả nước qua các cuộc TĐTDS 1989, 1999, 2009 và 2019 (Hình 1) cho thấy, khuôn mẫu di cư liên vùng đã có nhiều thay đổi kể từ Đổi mới đến nay. Tuy nhiên, xuyên suốt hơn 30 năm qua, Đồng bằng sông Hồng và

ĐNB vẫn luôn là điểm đến của hầu hết người di cư từ tất cả các vùng khác trên cả nước, đặc biệt trong khoảng 10 năm gần đây, làm cho mật độ dân số hai vùng này tăng lên nhanh chóng.

Mặc dù ĐNB tiếp nhận một lượng lớn người di cư từ các vùng khác trong cả nước (Hình 1) và ngày càng tăng lên cả

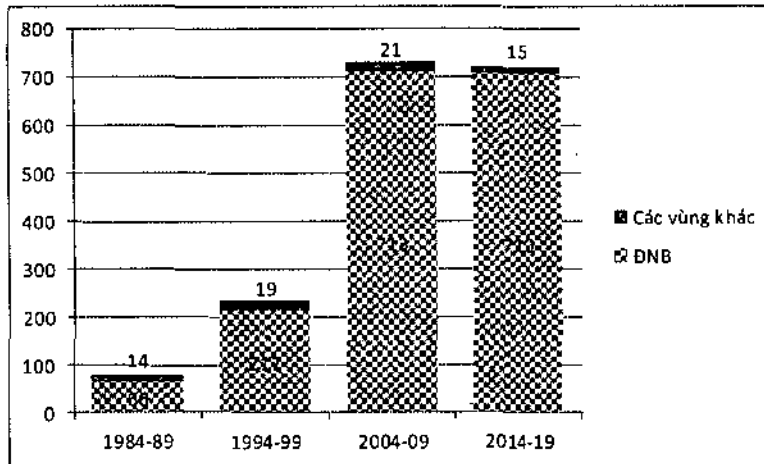
Hình 1. Mười (10) dòng di cư lớn nhất giữa 8 vùng qua các cuộc TĐTDS 1989-1999-2009-2019 (người)



Nguồn: Nguyễn Ngọc Toại, xử lý từ kết quả Tổng điều tra dân số 1989-1999-2009-2019

* Chỉ tính các dòng di cư trên đất liền, không bao gồm các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các đảo nhỏ khác.

Biểu đồ 2. Số lượng người di cư (ngàn người) từ TNB đến ĐNB và các vùng khác sau 5 năm qua các cuộc TĐTTS 1989, 1999, 2009 và 2019



Nguồn: Nguyễn Ngọc Toại, xử lý từ kết quả TĐTDS 1989-1999-2009-2019

về qui mô và tỷ trọng, số người từ TNB vẫn luôn áp đảo và ngày càng tăng lên trong suốt 30 năm qua (Biểu đồ 2). Nếu giai đoạn 1984-89 có khoảng 81 ngàn người từ các tỉnh TNB di cư ra khỏi vùng đến các vùng khác thì đến giai đoạn 1994-99, con số này tăng lên khoảng 236 ngàn người, giai đoạn 2004-09 là 734 ngàn người và tương tự, giai đoạn 2014-19 khoảng 700 ngàn người. Hầu hết trong số này đến ĐNB với tỷ trọng tương ứng qua 4 giai đoạn TĐTDS lần lượt tăng lên từ 82% (66 ngàn người) lên 92% (217 ngàn người), 97% (713 ngàn người), và 98% (710 ngàn người).

Ở chiều ngược lại, mặc dù có những biến động theo thời gian nhưng vẫn luôn có những dòng di cư từ ĐNB đến TNB. Tuy nhiên, quy mô các dòng di cư này là tương đối nhỏ và xuất cư từ TNB đến ĐNB vẫn là xu hướng chủ đạo trong suốt hơn 30 năm qua. Trong các phần tiếp theo, chúng tôi sẽ phân tích

sâu hơn xu hướng di cư từ TNB đến nông thôn ĐNB cũng như các điểm đến tiềm năng trong tương lai.

4. ĐẶC ĐIỂM DÒNG DI CƯ TỪ TNB ĐẾN NÔNG THÔN ĐNB

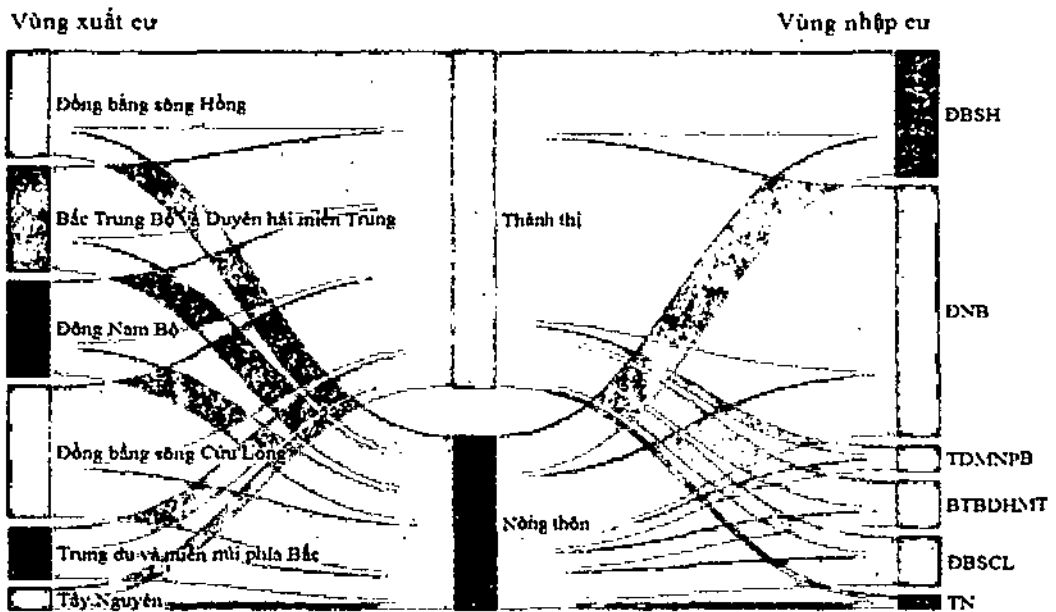
Hiện nay, ĐNB vẫn là vùng thu hút đông đảo người di cư nhất với gần 2 triệu người từ các vùng khác trong cả nước. Trong đó, gần 1,5 triệu người đến khu vực thành thị và gần

500 ngàn người đến khu vực nông thôn. Trong tổng số hơn 1 triệu người di cư ra khỏi vùng TNB, có khoảng 630 ngàn người đến khu vực thành thị và khoảng gần 400 ngàn người đến khu vực nông thôn các vùng khác. Hầu hết trong số này là đến ĐNB, trong đó khoảng 500 ngàn người đến thành thị và khoảng 200 ngàn người đến nông thôn các tỉnh ĐNB giai đoạn 2014-19 (Hình 3).

Phân tích cụ thể hơn các dòng di cư từ các tỉnh TNB đến khu vực nông thôn các tỉnh ĐNB được thể hiện ở Hình 4. Có thể thấy, khu vực nông thôn các tỉnh ĐNB đều có người di cư đến từ tất cả các tỉnh TNB. Trong đó, An Giang (khoảng 30 ngàn người), Kiên Giang (khoảng 27 ngàn người) và Cà Mau (khoảng 23 ngàn người) là 3 tỉnh có người di cư đến nông thôn ĐNB nhiều nhất.

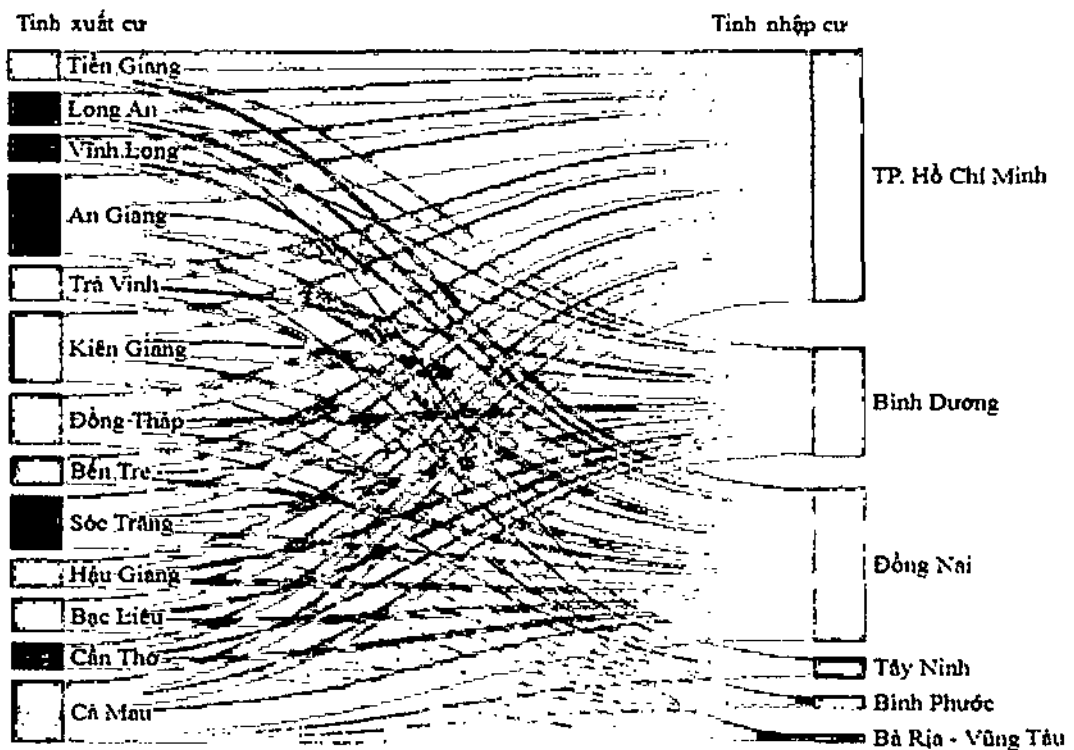
Với vai trò là các trung tâm kinh tế - xã hội vào loại lớn nhất cả nước, cơ hội việc làm và học tập, mức thu nhập, điều

Hình 3: Di cư giữa các vùng chia theo nơi đến thành thị - nông thôn sau 5 năm 2014-19 (người)



Nguồn: Nguyễn Ngọc Toại, xử lý từ kết quả TĐTDS 2019

Hình 4: Di cư từ các tỉnh TNB đến nông thôn các tỉnh ĐNB sau 5 năm 2014-19 (người)



Nguồn: Nguyễn Ngọc Toại, xử lý từ kết quả TĐTDS 2019

kiện sinh hoạt, nhà ở,... tại TPHCM, Bình Dương và Đồng Nai, kể cả ở khu vực nông thôn (các xã ở các huyện), cao hơn nhiều so với các tỉnh còn lại trong vùng. Do vậy, khu vực nông thôn của Đồng Nai (khoảng 58 ngàn người), Bình Dương (khoảng 40 ngàn người) và đặc biệt là TPHCM (khoảng 95 ngàn người) là những nơi tiếp nhận nhiều người di cư đến từ TNB nhất. Trong khi đó, mức độ thu hút người di cư ở nông thôn các tỉnh ĐNB còn lại là khá khiêm tốn (Hình 4).

Những kết quả phân tích trên mới chỉ phản ánh các khuôn mẫu di cư ở cấp độ cá nhân. Cho đến nay, không có nhiều nghiên cứu về xu hướng di cư hộ gia đình. Xét ở khía cạnh này, kết quả khảo sát 500 hộ gia đình tại khu vực nông thôn 5 tỉnh ĐNB năm 2022 của chúng tôi cũng cho thấy sự hiện diện các hộ gia đình đến từ tất cả các tỉnh TNB tại khu vực nông thôn ĐNB (Hình 5,

bên trái). Tuy nhiên, khác với xu hướng di cư liên vùng của các cá nhân như vừa phân tích (với An Giang, Kiên Giang và Cà Mau là 3 tỉnh có nhiều người di cư nhất), những tỉnh có nhiều hộ gia đình di cư đến khu vực nông thôn ĐNB nhất theo khảo sát này là Bến Tre (50 hộ), Trà Vinh (48 hộ) và An Giang (47 hộ) (Hình 5 bên phải).

Khác với nhóm di dân cá nhân đến đô thị chủ yếu là để kiếm việc làm tạm thời, nhóm di dân hộ gia đình đến nông thôn thường có khuynh hướng định cư lâu dài tại vùng đất mới. Mặc dù dữ liệu khảo sát 500 hộ gia đình của chúng tôi không mang tính đại diện ở cấp độ vùng nhưng những kết quả phân tích dựa trên khảo sát này giúp cung cấp thêm bằng chứng để trả lời cho các câu hỏi có tính thời sự và ý nghĩa chính sách hiện nay như: chiến lược di dân này tỏ ra phù hợp với những đặc điểm gì của hộ gia đình, các động lực của di

Hình 5: Tất cả dòng di cư (bên trái) và 10 dòng di cư lớn nhất (bên phải) của 500 hộ gia đình TNB đến khu vực nông thôn ĐNB (không tính TPHCM)



Nguồn: Nguyễn Ngọc Toại. 2022. Xử lý từ kết quả khảo sát đề tài 'Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay'

dân là gì, có phải BDKH, môi trường tại nơi đi và nguồn đất sản xuất tại nơi đến là các lực “đẩy” và “hút” chính định hình các dòng di dân từ TNB đến khu vực nông thôn của các tỉnh ĐNB,... Một số nội dung trong số này sẽ được chúng tôi phân tích trong phần tiếp theo.

5. XU HƯỚNG DI CƯ TNB VÀ ĐIỂM ĐẾN TIỀM NĂNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN HIỆN NAY

Dựa trên kết quả phân tích từ các phần trên của bài viết, có thể đưa ra một số dự đoán về xu hướng và điểm đến của người di cư TNB trong thời gian tới theo cấp độ cá nhân và hộ gia đình như sau⁽³⁾:

Ở cấp độ cá nhân, trong dài hạn, di cư nội tỉnh và nội vùng TNB sẽ có xu hướng tăng, đồng thời tỷ trọng xuất cư ngoại vùng sẽ giảm tương ứng vì một số lý do sau: (1) Số người lao động tăng thêm đã bắt đầu giảm cả tuyệt đối và tương đối do quá trình già hóa dân số và di cư trước đó nên không còn dồi dào như trước; (2) TPHCM và các tỉnh ĐNB khác bắt đầu chuyển đổi từ các ngành công nghiệp thâm dụng lao động từng bước sang thâm dụng công nghệ nên sức hút người di cư là lao động phổ thông cũng giảm đi tương đối; (3) Đồng thời, một số địa phương trong vùng TNB như Long An, Tiền Giang, Cần Thơ,... đã hình thành các khu công nghiệp tại chỗ nên thu hút một phần lao động trong vùng và do vậy giảm bớt xu hướng xuất cư ra khỏi vùng; (4) BDKH và nước biển dâng ảnh hưởng trực tiếp và ngày càng nghiêm trọng đối với nơi cư trú và sinh kế của một bộ phận dân cư tại các khu vực không an toàn, dẫn

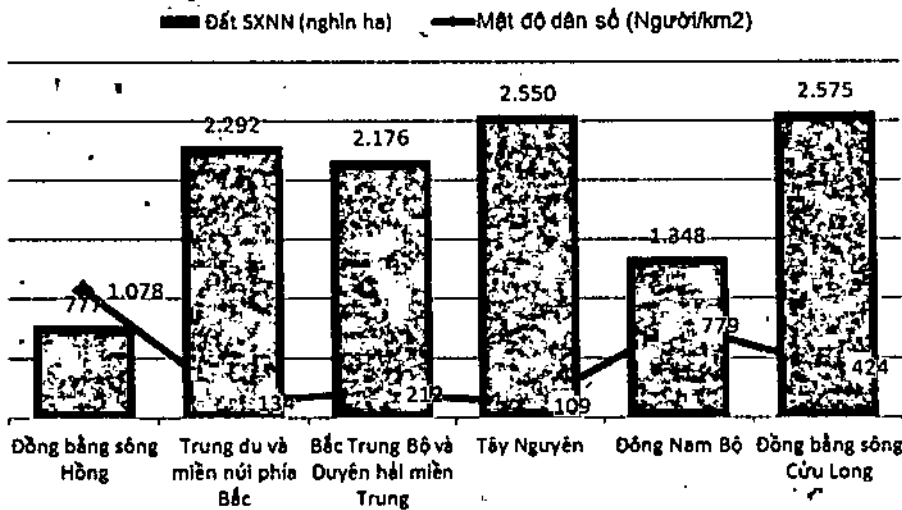
đến quá trình tái định cư và dịch chuyển dân số nội tỉnh.

Tuy nhiên, trong ngắn hạn, xuất cư từ TNB đến ĐNB, đặc biệt là đến khu vực thành thị, vẫn sẽ là xu hướng chủ đạo vì sự gắn gũi về mặt địa lý, cơ hội việc làm và học tập tại ĐNB, cũng như mạng lưới của người di cư giữa TNB và ĐNB đã được hình thành trong suốt hơn 30 năm qua, làm cho ĐNB trở thành “thị trường lao động truyền thống” đối với người di cư TNB. Bên cạnh đó, dù nhu cầu đối với lao động phổ thông trình độ thấp trong khu vực chính thức tại các thành phố lớn ở ĐNB có xu hướng giảm dần dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nhưng ĐNB vẫn là nơi cung cấp nhiều cơ hội việc làm nhất, gồm cả việc làm trong khu vực phi chính thức, so với các vùng khác.

Cho đến nay, mặc dù chưa có số liệu thống kê chính thức về số hộ chuyển cư hẳn ra khỏi TNB nhưng một số nghiên cứu gần đây ở TNB cho thấy: thiếu việc làm ở nông thôn vẫn là yếu tố quan trọng nhất, nhưng tình trạng xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt bất thường, ô nhiễm môi trường, thời tiết cực đoan làm giảm năng suất, tăng chi phí, và giảm thu nhập từ nông nghiệp đang ngày càng trở nên quan trọng trong số các lực “đẩy” của di cư ra khỏi vùng. (Jane M. Chun & Lê Thanh Sang, 2012; Nguyễn Ngọc Toại, 2014; Le & Vo, 2020; Berlemann & Thi Xuyen, 2020).

Các địa phương TNB đã có nhiều biện pháp ứng phó với BDKH như thay đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng trong nông nghiệp; triển khai các dự án tái định cư, di chuyển các hộ trong diện bị ảnh

Biểu đồ 6. Mật độ dân số (người/km²) và hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp⁽⁴⁾ (nghìn ha) tính đến 31/12/2020 chia theo vùng



Nguồn: Nguyễn Ngọc Toại, tổng hợp số liệu hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp từ Tổng cục Thống kê (2022: 42-43) và dữ liệu dân số từ <https://www.gso.gov.vn/dan-so/>

hưởng vào các chương trình cụm tuyến dân cư, nơi an toàn hơn nhưng cũng bộc lộ nhiều hạn chế về mặt sinh kế và môi trường. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, đã có, tuy chỉ ở quy mô nhỏ, một số hộ gia đình có ý định hoặc đã di cư khỏi TNB đến nơi khác sinh sống. Số này bao gồm những gia đình có người thân đang di cư và cả những hộ gặp khó khăn về sinh kế muốn tìm nơi khác để lập nghiệp.

Tương tự di cư cá nhân, nơi đến của các hộ gia đình di cư từ TNB trong tương lai gần vẫn sẽ là khu vực nông thôn ở địa bàn truyền thống ĐNB. Tuy nhiên, với tốc độ đô thị hóa rất nhanh hiện nay, diện tích đất nông nghiệp tại ĐNB đang bị thu hẹp một cách nhanh chóng, đi kèm với đó là giá đất đã trở nên quá cao so với khả năng của phần lớn người di cư. Do vậy, trong dài hạn, Tây Nguyên có thể là một điểm đến tiềm năng khác đối với người di cư TNB

do vùng này vẫn còn nhiều lợi thế về đất sản xuất nông nghiệp, mật độ dân số thấp và khoảng cách địa lý cũng không quá xa TNB (Hình 6).

Kết quả khảo sát của chúng tôi tại một số tỉnh ĐNB năm 2022 đã ghi nhận, tuy chưa phải phổ biến, tình trạng một số hộ gia đình bán đất sản xuất nông nghiệp để thu lợi từ việc 'sốt giá đất' thời gian gần đây; một số hộ bán rẫy cao su tại ĐNB để chuyển lên Tây Nguyên bởi theo lý giải của họ: 'bán 1 mẫu (1 ha) cao su tại Bình Phước có thể mua được khoảng 3 mẫu cao su ở Kon Tum hoặc Gia Lai'. Tuy nhiên, với tốc độ đô thị hóa cũng diễn ra rất nhanh trong thời gian gần đây tại Lâm Đồng, Đắk Lắk và một phần của Đắk Nông thì những địa phương này đã không còn là điểm đến phù hợp cho phần lớn các hộ gia đình di cư. Thay vào đó, Gia Lai và Kon Tum có lẽ sẽ là những địa bàn có nhiều tiềm năng định cư nhất.

6. KẾT LUẬN

Các phân tích dựa trên kết quả mới nhất từ các cuộc TĐTDS 1989, 1999, 2009 và 2019 một lần nữa cho thấy, ở cấp độ cá nhân, xuất cư từ TNB đến ĐNB, đặc biệt là đến khu vực thành thị, vẫn sẽ là xu hướng chủ đạo trong thời gian tới. Tuy nhiên, trong dài hạn, xuất cư ngoại vùng sẽ giảm, đồng thời di cư nội tỉnh và nội vùng TNB sẽ có xu hướng tăng tương ứng.

Ở cấp độ hộ gia đình, sự xuất hiện ngày càng nhiều các cộng đồng di cư đến từ tất cả các tỉnh TNB tại khu vực nông thôn các tỉnh ĐNB vừa phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa hai vùng, đồng thời cũng cho thấy tiềm năng định cư lâu dài cho các hộ gia đình di cư TNB tại đây. Tuy nhiên, những lợi thế về diện tích và giá đất nông nghiệp đang ngày càng mất đi cùng với tốc độ đô thị hóa rất nhanh hiện nay tại khu vực này. Do vậy, trong dài hạn, Tây Nguyên có thể là một điểm đến tiềm năng khác đối với người di cư TNB.

Trong thời gian tới, diễn biến và mức độ nghiêm trọng của BĐKH ở khu vực nông thôn TNB; tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng việc làm, đặc biệt đối với lao động

chuyên môn thấp, tại khu vực thành thị; tốc độ đô thị hóa và tiềm năng đất nông nghiệp tại khu vực nông thôn ĐNB, là những lực "hút" và "đẩy" chính ảnh hưởng tới xu hướng và quy mô của các dòng di cư giữa TNB và ĐNB. Đây là những vấn đề mang tính thời sự và có nhiều ý nghĩa về mặt chính sách liên quan đến nơi cư trú, sinh kế và các vấn đề khác ở cả cấp độ cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng, và toàn vùng cần được tiếp tục nghiên cứu.

Sự ghi nhận (acknowledgements)

Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ "Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay" do PGS.TS. Đỗ Hương Giang làm chủ nhiệm và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ là cơ quan chủ trì.

Nhóm tác giả bài viết chân thành cảm ơn Trung tâm Dân số Đại học Minnesota, Hoa Kỳ (Minnesota Population Center, 2020) đã cung cấp và cho phép chúng tôi sử dụng nguồn số liệu Tổng điều tra dân số 1989, 1999 và 2009 (IPUMS - Integrated Public Use Microdata Series) và Tổng cục Thống kê Việt Nam đã cung cấp các số liệu cơ bản giúp chúng tôi hoàn thành bài viết này. □

CHÚ THÍCH

(1) Đề tài cấp Bộ, thời gian thực hiện từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2022, PGS.TS. Đỗ Hương Giang chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ là cơ quan chủ trì.

(2) Tỷ suất di cư thuần là hiệu số giữa số người nhập cư và số người xuất cư của một đơn vị lãnh thổ trong kỳ nghiên cứu (thường là một năm lịch) tính bình quân trên 1000 dân của đơn vị lãnh thổ đó.

(3) Một số dự đoán đã được chúng tôi nêu ra trong một số bài viết trước đây (Lê Thanh Sang - Nguyễn Ngọc Toại, 2017; Nguyễn Ngọc Toại, 2017) và tiếp tục được khẳng định, bổ sung thêm dựa trên các bằng chứng mới nhất từ TĐTDS 2019 và kết quả khảo đề tài 'Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay'.

⁽⁴⁾ Đất sản xuất nông nghiệp là đất đang dùng vào sản xuất nông nghiệp, bao gồm đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Berlemann, M. and Thi Xuyen, T. 2020. "Climate-Related Hazards and Internal Migration Empirical Evidence for Rural Vietnam". *Economics of Disasters and Climate Change*, 4, 385–409. <https://doi.org/10.1007/s41885-020-00062-3>.
- Black, R., Adger, N., Arnell, N., Dercon, S., Geddes, A. and Thomas, D. 2011. *Foresight: Migration and Global Environmental Change, final Project Report* (p. 234). The Government Office for Science.
- Chun, Jane M. and Lê Thanh Sang. 2012. *Research and Policy Dialogue on Climate Change, Migration and Resettlement in Vietnam*. UNDP.
- Đặng Nguyễn Anh, Irene Leonardelli and Ana Alicia Dipierri. 2016. *Đánh giá bằng chứng: Di cư, môi trường và biến đổi Khí hậu tại Việt Nam* (tr. 102). Tổ chức Di Cư Quốc Tế (IOM).
- Koylu, C., Tian, G. and Windsor, M. 2021. "Flowmapper.org: A Web-Based Framework for Designing Origin-Destination Flow Maps". *Journal of Maps*, pp. 1-9.
- Le, S.T. and Vo, C.D. 2020. "The Livelihood Adaptability of Households Under the Impact of Climate Change in the Mekong Delta". *Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies*, 11(1), pp. 7-26. <https://doi.org/10.1108/JADEE-09-2019-0139>.
- Lê Thanh Sang. 2007. "Urban Migration in Pre- and Post-Reform Viet Nam: Macro Patterns and Determinants of Urbanward Migration, the 1984-1989 and 1994-1999 Periods". *Proceedings of the 8th International Conference of Asia Pacific Migration Research Network: Migration, Development and Poverty Reduction*, pp. 195-227.
- Lê Thanh Sang - Nguyễn Ngọc Toại. 2017. "Di cư ở vùng Tây Nam Bộ trong thời kỳ đổi mới - Các khuôn mẫu vĩ mô". *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM)*, 4(224), tr. 9-17.
- McAreevey, R. 2017. *New Immigration Destinations: Migrating to Rural and Peripheral Areas*. Routledge.
- Minnesota Population Center. 2020. *Integrated Public Use Microdata Series, International: Version 7.3* [Data set]. Minneapolis, MN: IPUMS. <https://doi.org/10.18128/D020.V7.3>.
- Nguyễn Ngọc Toại. 2014. "Tác động của lũ lụt đối với đánh bắt và nuôi trồng thủy sản của người dân trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long". *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM)*, 12(196), tr. 13-21.
- Nguyễn Ngọc Toại. 2017. "Di cư đến các đô thị vùng Nam Bộ hiện nay: Tầm nhìn so sánh". Trong Lê Thanh Sang (chủ biên). *Đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững vùng Nam bộ: Lý luận, thực tiễn và đối thoại chính sách* (kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia) (tr. 73-82). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- The World Bank. 2018. *Tương lai việc làm cho Việt Nam: Khai thác xu hướng lớn cho sự phát triển thịnh vượng hơn*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
- Tổng cục Thống kê. 2020. *Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt* (Chuyên khảo Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019). Hà Nội: Nxb. Tài chính.
- Tổng cục Thống kê. 2022. *Niên giám thống kê Việt Nam 2021*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- Warner, K., Afifi, T., Henry, K., Rawe, T., Smith, C., & De Sherbinin, A. 2012. *Where the rain falls: Climate change, food and livelihood security, and migration*. Global Policy Report of the Where the Rain Falls Project. Bonn: CARE France and UNU-EHS.

- Spyropoulou, S., Katsikcas, C. S., Skarmeas, D., & Morgan, N. A. (2018). Strategic goal accomplishment in export ventures: The role of capabilities, knowledge, and environment. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 46(1), 109–129.
- Từ Văn Bình, Ngô Giang Thy, Huỳnh Đăng Khoa, & Nguyễn Đình Thông. (2021). Tác động của CSR và Marketing đến đổi mới lao động của SMEs ở Việt Nam: Tiếp cận trên biến nội sinh Networking. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 32(12), 31–45.
- Walter, A., Auer, M., & Ritter, T. (2006). The impact of network capabilities and entrepreneurial orientation on university spin-off performance. *Journal of Business Venturing*, 21(4), 541–567.
- Wernerfelt, B. (1984). A resource-based view of the firm. *Strategic Management Journal*, 5(2), 171–180.
- Yang, Z., Huang, Z., Wang, F., & Feng, C. (2018). The double-edged sword of networking: Complementary and substitutive effects of networking capability in China. *Industrial Marketing Management*, 68, 145–155.